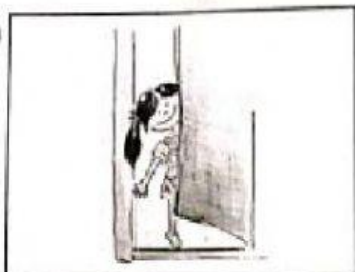


A. Count the strokes

1) 网 wǎng 6	5) 刷 shuā
2) 样 yàng	6) 游 yóu
3) 步 bù	7) 跑 pǎo
4) 做 zuò	8) 玩 wán

B. Choose the correct sentence for each picture.
(Put "1" in the box)

①

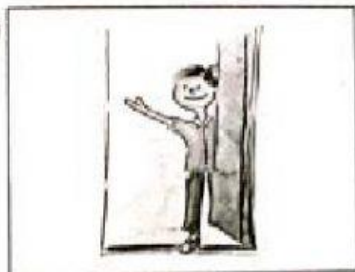

☐

qǐng kāi dēng
请开灯!

☒

qǐng kāi mén
请开门!

②


☐

qǐng jìn
请进!

☐

qǐng zuò
请坐!

③


☐

duì bu qǐ
对不起!

☐

zài jiàn
再见!

④


☐

qǐng guān chuāng
请关窗!

☐

nǐ zǎo
你早!

⑤


☐

qǐng hē shuǐ
请喝水!

☐

bié shuō huà
别说话!

⑥


☐

qǐng jǔ shǒu
请举手!

☐

méi guān xi
没关系。

⑦


☐

qǐng zuò xià
请坐下!

☐

qǐng gēn wǒ dú
请跟我读。

⑧


☐

qǐng chū qu
请出去!

☐

zhàn qǐ lái
站起来!

⑨


☐

chuān shàng xié
穿上鞋。

☐

qǐng kāi dēng
请开灯!